

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY CÁC BÀI MỞ RỘNG VỐN TỪ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

ThS. TRẦN THỊ KIM HOA\*

1. Để có thể sử dụng ngôn ngữ nhằm bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, suy nghĩ của bản thân và tạo mối quan hệ với những người xung quanh, con người cần một vốn ngôn ngữ nhất định, trong đó có vốn từ. Vốn từ càng phong phú, con người càng thể hiện được một cách chính xác, đầy đủ và tinh tế nhất những suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm sâu kín của bản thân, qua đó nâng cao hiệu quả giao tiếp. Chất lượng của một cuộc giao tiếp, sự phát triển trí tuệ của học sinh (HS) luôn luôn tỉ lệ thuận với vốn từ của các em. Chính vì vậy, làm giàu vốn từ là một hoạt động rất quan trọng đối với HS nói chung, HS tiểu học (TH) nói riêng.

Thấy rõ được tầm quan trọng của vốn từ đối với hoạt động giao tiếp và học tập của HS, chương trình cũng như sách giáo khoa Tiếng Việt TH đã đặc biệt quan tâm đến việc mở rộng vốn từ cho các em. Những bài học về mở rộng vốn từ tiếng Việt được thực hiện trong suốt 5 năm, từ lớp 1 đến lớp 5. Mỗi giáo viên (GV) có một cách dạy mở rộng vốn từ vựng khác nhau (theo chủ đề chủ điểm, theo trường nghĩa, theo phương thức cấu tạo, theo từ loại,...) với điểm mạnh và điểm yếu riêng. Dưới đây, người viết góp một tiếng nói riêng của mình vào phương pháp dạy học nội dung dạy học này ở TH.

2. Tùy thuộc vào nội dung và mục đích dạy học, vào đặc điểm vốn từ của HS, GV có thể sử dụng một số biện pháp sau trong dạy học mở rộng vốn từ ở TH:

**1) Mở rộng vốn từ theo trường ngữ nghĩa.** Như ta đã biết, từ ngữ được tích lũy trong bộ nhớ của HS không phải là sự sắp xếp lộn xộn mà theo từng trường nghĩa, tạo thành những hệ thống ngữ nghĩa nhất định. Nhờ vậy, khi sử dụng từ, HS có thể nhanh chóng huy động và lựa chọn được một từ chính xác, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp của mình. Vì vậy, GV cần hết sức chú ý đến quy luật trường nghĩa trong việc cung cấp và mở rộng vốn từ cho các em. Cách thức tiến hành là cung cấp các từ trái nghĩa, cùng nghĩa hoặc gần nghĩa cho HS theo những đề tài, chủ đề, chủ điểm khác nhau.

Ví dụ: Trong trường hợp gặp từ "yêu thương" khi

dạy chủ điểm về *Mái ấm gia đình*, GV mở rộng vốn từ cho HS bằng cách cung cấp các từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa như: *âu yếm, chiều chuộng, chăm sóc,...* và những từ trái nghĩa như: *căm ghét, căm thù, căm uất, căm hờn,...* Hoặc, khi gặp từ "vội vã", GV đặt câu hỏi cho HS: *Em hãy tìm những từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc trái nghĩa với từ "vội vã"?* HS sẽ tìm được các từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa như: *vội vàng, nhanh nhẩu, cuống quýt,...* và các từ trái nghĩa như: *thủng thủng, thủng thính, lừ đừ, lừ đừ,...*

Ngoài ra, GV cũng có thể tiến hành mở rộng vốn từ bằng việc cho HS thay thế một từ nào đó trong câu đã cho bằng một từ đồng nghĩa khác mà nghĩa chung của cả câu không thay đổi. Ví dụ, yêu cầu HS thay từ được in đậm trong câu dưới đây bằng một từ ngữ khác mà nghĩa của câu không thay đổi: "*Cô giáo chưa hỏi xong, Hoa đã vội vã trả lời*". HS tìm được những từ ngữ đạt được yêu cầu mà bài tập đặt ra có nghĩa là các em đã tìm được những từ ngữ cần mở rộng.

Trên lớp, GV ra dạng bài tập kiểu như: Em hãy ghép các tiếng dưới đây thành những từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa với "vội vã": *vội, háp, chộp, vàng, tấp, bộp*. Dựa vào vốn từ có sẵn hoặc sự "nhảy cảm ngôn ngữ" của mình, HS có thể đưa ra được các từ như: *vội vàng, háp tấp, bộp chộp* hoặc các từ trái nghĩa như: *thủng thính, thủng thủng, thông thả, từ từ,...* Đây chính là những từ có thể hoặc cần mở rộng cho HS.

Đối với các bài mở rộng vốn từ, bước quan trọng để tạo hiệu quả cho giờ dạy chính là cách hướng dẫn HS tìm từ và hiểu nghĩa của từ. GV phải hướng dẫn làm sao để tránh tình trạng HS không tìm được từ thì GV sẽ cung cấp. Nếu HS tìm từ không chuẩn, GV cần điều chỉnh, phân tích để cuối cùng các em tìm được từ thay thế phù hợp nhất. Mở rộng vốn từ theo cách này giúp HS nắm được nghĩa của từ và nhớ từ nhanh hơn.

Biện pháp mở rộng vốn từ khác là hướng dẫn HS tìm các từ cùng trường được gọi ra từ những từ cho trước. Ví dụ, các từ cùng trường với từ *thiên nhiên* là:

\* Khoa Giáo dục tiểu học, Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

trời, đất, trăng, sao, mưa, gió, sấm, chớp,... Từ đó, GV có thể hình thành những loại bài tập như: Chọn từ ngữ cho trước để điền vào từng cột sao cho phù hợp với chủ đề, chủ điểm gợi ý cho sẵn.

Dưới đây là ví dụ cụ thể: Xếp các từ vào nhóm thích hợp: *tự tin, tự hào, tự chủ, tự trọng, tự ti, tự cao, tự giác, tự phụ, tự vệ*.

Hành động, tính chất tốt	Hành động, tính chất xấu
<i>tự tin, tự hào, tự chủ, tự trọng, tự giác, tự vệ...</i>	<i>tự kiêu, tự ái, tự ti, tự cao, tự phụ...</i>

Nhờ cách hướng dẫn HS tìm từ như trên mà vốn từ của các em cũng được tăng lên một cách rõ rệt.

**2) Mở rộng vốn từ theo trường liên tưởng.**  
GV mở rộng vốn từ cho HS theo trường liên tưởng, bằng cách: chọn ra một từ trung tâm, xoay quanh từ trung tâm đó HS sẽ tìm những từ khác dựa vào những mối quan hệ liên tưởng khác nhau. Ví dụ, lấy từ trung tâm là *gia đình*, GV mở rộng vốn từ cho HS bằng cách dựa vào những liên tưởng khác nhau ở các em: - Liên tưởng đồng loại (*con người*): *ông bà, cha mẹ, anh em, chị em, cô, dì, chú, bác,...*; - Liên tưởng về hoạt động: *chăm sóc, sinh nở, nuôi dưỡng, dạy bảo,...*; - Liên tưởng về địa điểm (nơi ở): *phòng khách, ban công, phòng thờ, sân thượng,...*; - Liên tưởng về tính chất, có thể tìm được các từ ngữ như: *đùm bọc, nâng niu, yêu thương, đỡ đần, quan tâm, bao dung, hi sinh,...* Hoặc, GV đưa ra một từ rồi dựa vào các trường liên tưởng được gợi ra từ từ đó mở rộng vốn từ cho HS. Ví dụ, với từ "*tay*", GV mở rộng từ cho HS bằng những liên tưởng khác nhau: *hình dáng của tay, đặc điểm của tay, hoạt động của tay, tính chất của tay,...*

Như vậy, việc mở rộng vốn từ cho HS bằng cách liên tưởng sẽ giúp cho giờ học diễn ra tự nhiên, HS tích lũy từ một cách nhẹ nhàng đồng thời rèn luyện được khả năng tư duy, khả năng liên tưởng.

**3) Mở rộng vốn từ theo cấu tạo từ** (theo các cách sau):

- Dựa vào một yếu tố gốc cho sẵn, GV yêu cầu HS tìm những từ khác có chứa yếu tố đó. Ví dụ: Trong từ *giang sơn*, tiếng *sơn* có nghĩa là núi. Em hãy tìm thêm những từ chứa tiếng *sơn*.

- Sắp xếp các từ cho sẵn có chứa cùng một yếu tố nhưng có nghĩa khác nhau vào nhóm thích hợp. Ví dụ: Sắp xếp các từ có tiếng *quan* cho trong ngoặc đơn thành ba nhóm: những từ trong đó *quan* có nghĩa là "quan lại", những từ trong đó *quan* có nghĩa là "nhìn, xem", những từ trong đó *quan* có nghĩa là "liên hệ,

gắn bó" (lạc quan, quan quân, quan lại, quan hệ, quan sát, quan tâm).

- Ghép tiếng đã cho với một tiếng khác để tìm ra từ mới (từ ghép đẳng lập). Ví dụ, với tiếng cho trước là *sách*, GV có thể yêu cầu HS tìm từ ghép đẳng lập có chứa tiếng này như: *sổ sách, sách vở, đèn sách, sách báo,...*

- Tìm yếu tố láy. Ví dụ, GV yêu cầu HS tìm từ láy có tiếng *nhỏ*. HS sẽ tìm được các từ như: *nhỏ nhỏ, nhỏ nhắn,...*

\*\*\*

Như vậy, để mở rộng vốn từ cho HS, GV có thể sử dụng những cách khác nhau sao cho phù hợp với năng lực nhận thức, năng lực tư duy của người học. Và điều quan trọng là sự lựa chọn ấy phải đảm bảo giờ học diễn ra tự nhiên, lời cuốn được sự chú ý của trẻ mà vẫn cung cấp, mở rộng được cho các em những từ ngữ cần thiết theo yêu cầu đặt ra.

Tuy vậy, cũng cần lưu ý, khi mở rộng vốn từ thì số lượng từ của HS sẽ tăng lên nhưng không có nghĩa là chất lượng sử dụng từ của các em thay đổi. Mở rộng từ không phải là yêu cầu HS tìm được nhiều từ cùng trường, tìm được nhiều từ đồng nghĩa hay trái nghĩa..., mà quan trọng nhất là khi được mở rộng từ nào, HS phải biết dùng từ ấy, biết vận dụng chúng một cách chính xác, thường xuyên trong hoạt động học tập và giao tiếp thường ngày. □

#### Tài liệu tham khảo

- Hà Quang Năng (chủ biên). *Từ điển lỗi dùng từ*. NXB Giáo dục, H. 2007.
- Lê Phương Nga. *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học II*. NXB Đại học sư phạm, H. 2009.
- Nguyễn Quang Ninh. *Giáo trình phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (tập hai)*. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2009.

#### SUMMARY

*Elementary Vietnamese program was especially interested in vocabulary for the children. The vocabulary can be teachers conducted in many different ways, depending on the content and the purpose of teaching, on the characteristics of students' vocabulary. Here are some specific ways that teachers can use in teaching vocabulary in elementary school. Vocabulary according to the semantics, vocabulary by associative field, the vocabulary according to the texture from. extend not the teachers ask students to find more from same school, finding more synonyms or antonyms... but the most important thing is, words extended then the children have to know to use the words, know use correctly, often in academic activities and routine communication.*